



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 02 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307
- Website: [www.stb.com.vn](http://www.stb.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Công ty có 2 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
-------------	---------	------------------	--------------

### Công ty con

- |  |  |          |        |
|--|--|----------|--------|
| 1. Công ty TNHH MTV In chuyên dùng   | 104/5 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh        | In ấn    | 100%   |
| Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 24/06/2014 theo Quyết định số 81/QĐ_STB_14 của Hội đồng quản trị Công ty. Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục để giải thể và sáp nhập vào Công ty mẹ. |  |          |        |
| 2. Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông  | 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh | Giáo dục | 52,77% |

### Công ty liên kết

- |   |  |                         |        |
|---|--|-------------------------|--------|
| Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Tây Ninh | 403 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh Tỉnh Tây Ninh | Sách, thiết bị giáo dục | 35,02% |
|---|--|-------------------------|--------|

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 269 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 24 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn     | Chủ tịch   | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Lê Kế Đức      | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Xà Triệu Hoàng | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Ngô Trần Vinh  | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Trần Văn Hưng  | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012     |

### Ban Kiểm soát

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Lê Quang  | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012     |
| • Bà Phạm Nhật Quyên | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ  | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012     |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Ngô Trần Vinh	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 10/02/2014
• Ông Từ Văn Sơn	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009
		Miễn nhiệm ngày 10/02/2014
• Ông Lê Kế Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Từ Trung Đan	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 01/03/2014
• Ông Trần Văn Hưng	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009

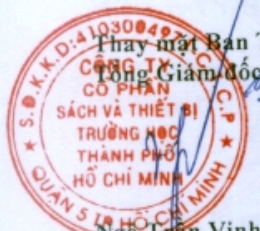
### Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80 Đường 30 tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:
- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Ngô Trần Vinh

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnm.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1077/2014/BCSX-AAC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 25/08/2014 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Các báo cáo này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 8 năm 2014

Lê Vinh Hà – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1216-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các qui định sửa đổi,  
bổ sung của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>107.837.545.643</b>	<b>96.021.294.198</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>15.278.730.374</b>	<b>27.430.614.717</b>
1. Tiền	111		7.009.502.374	7.150.808.909
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.269.228.000	20.279.805.808
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	5.000.000.000	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.821.201.522</b>	<b>31.237.302.213</b>
1. Phải thu khách hàng	131		34.791.455.618	27.346.392.088
2. Trả trước cho người bán	132		4.262.202.359	3.861.674.802
3. Các khoản phải thu khác	135	7	242.870.240	242.188.481
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(475.326.695)	(212.953.158)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>46.290.017.335</b>	<b>31.142.471.718</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	46.610.513.505	31.569.549.210
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(320.496.170)	(427.077.492)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.447.596.412</b>	<b>1.210.905.550</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.082.443.915	642.007.613
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		622.524.621	106.194.174
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	231.210.629	48.226.434
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	511.417.247	414.477.329
			<b>43.187.869.332</b>	<b>46.639.287.686</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.502.535.836</b>	<b>31.382.737.406</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	25.317.514.752	28.685.167.443
- Nguyên giá	222		40.315.456.115	43.458.006.326
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.997.941.363)	(14.772.838.883)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	1.704.001.902
- Nguyên giá	228		-	2.248.129.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(544.127.598)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	185.021.084	993.568.061
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>4.191.584.948</b>	<b>1.570.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.830.584.948	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1.361.000.000	1.570.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.493.748.548</b>	<b>13.686.550.280</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	13.408.431.215	13.635.318.379
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		85.317.333	51.231.901
			<b>151.025.414.975</b>	<b>142.660.581.884</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>151.025.414.975</b>	<b>142.660.581.884</b>

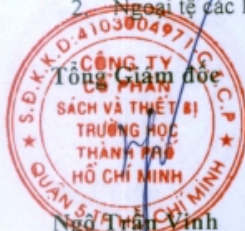
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>58.648.669.252</b>	<b>54.746.553.255</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.366.637.429</b>	<b>54.060.446.939</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	26.813.391.290	14.664.300.000
2. Phải trả cho người bán	312		22.106.317.892	11.298.011.938
3. Người mua trả tiền trước	313		349.504.487	3.712.304.296
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	155.812.633	651.730.506
5. Phải trả người lao động	315		3.345.028.938	8.967.504.336
6. Chi phí phải trả	316	20	323.950.626	1.091.879.148
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	2.166.401.234	10.201.757.903
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.106.230.329	3.472.958.812
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.282.031.823</b>	<b>686.106.316</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		94.627.223	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.187.404.600	686.106.316
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>90.291.245.241</b>	<b>85.109.559.739</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>90.291.245.241</b>	<b>85.109.559.739</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	56.655.300.000	56.655.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	12.325.320.000	12.325.320.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	22	3.717.924.125	3.701.058.580
4. Cổ phiếu quỹ	414	22	(3.275.267.777)	(3.275.267.777)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	11.900.806.053	11.850.785.930
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	3.183.377.400	3.183.377.400
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	5.783.785.440	668.985.606
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>2.085.500.482</b>	<b>2.804.468.890</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>151.025.414.975</b>	<b>142.660.581.884</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

		30/06/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	262.466.525	262.466.525
2. Ngoại tệ các loại	USD	603,85	645,75



Nguyễn Văn Hưng

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Trần Văn Hưng

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 02 – DN/NH  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày  
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung  
của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	115.744.188.582	118.590.102.933
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	415.554.843	1.130.522.001
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	23	115.328.633.739	117.459.580.932
4. Giá vốn hàng bán	11	24	93.278.727.291	91.068.460.475
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<b>22.049.906.448</b>	<b>26.391.120.457</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	963.458.204	918.220.341
7. Chi phí tài chính	22	26	1.992.558.958	3.065.416.042
Trọng đó: Chi phí lãi vay	23		1.110.016.713	1.666.539.720
8. Chi phí bán hàng	24		9.427.978.079	8.429.977.609
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.154.276.406	11.261.439.060
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>438.551.209</b>	<b>4.552.508.087</b>
11. Thu nhập khác	31	27	10.420.392.737	1.105.893.148
12. Chi phí khác	32	28	5.453.532.211	437.551.059
13. Lợi nhuận khác	40		<b>4.966.860.526</b>	<b>668.342.089</b>
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		<b>171.000</b>	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	<b>5.405.582.735</b>	<b>5.220.850.176</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.222.823.982	848.914.750
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	60.541.791	(35.226.951)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	<b>4.122.216.962</b>	<b>4.407.162.377</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	29	(425.716.624)	141.899.743
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	29	4.547.933.586	4.265.262.634
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	845	793



Ngô Trần Vinh

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Trần Văn Hưng

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 03 – DN/NH  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày  
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung  
của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	120.227.382.103	141.234.893.648
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(101.740.000.570)	(125.937.173.275)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.009.820.198)	(18.933.132.345)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.096.517.813)	(1.655.391.559)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.742.635.252)	(580.355.797)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.701.987.595	1.529.549.108
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.076.646.736)	(11.218.402.742)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(13.736.250.871)</b>	<b>(15.560.012.962)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.028.973.972)	(4.449.885.971)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	(49.458.849)	1.160.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	106.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.092.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	821.212.867	878.901.141
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.243.219.954)</b>	<b>(2.410.984.830)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	32.289.091.290	56.684.118.590
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.140.000.000)	(44.916.240.251)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.321.635.375)	(4.343.416.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.827.455.915</b>	<b>7.424.461.839</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(12.152.014.910)</b>	<b>(10.546.535.953)</b>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	27.430.614.717	19.185.426.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	130.567	232.529
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>15.278.730.374</b>	<b>8.639.123.057</b>



TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Trần Văn Hưng

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGĐ ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

#### *Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên dùng*

- Địa chỉ trụ sở chính: 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: In sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%.

Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 24/06/2014 theo Quyết định số 81/QĐ\_STB\_14 của Hội đồng quản trị Công ty. Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục để giải thể và sáp nhập vào Công ty mẹ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### *Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông*

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

### *Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Giáo dục Tây Ninh*

- Địa chỉ trụ sở chính: 403 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
- Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh sách, thiết bị giáo dục, các loại học phẩm, ấn phẩm.
- Tỷ lệ sở hữu: 35,02%

## 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng

### 4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

#### Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch, đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### *Khấu hao*

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 44
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

#### *Quyền sử dụng đất*

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### **Các tài sản cố định vô hình khác**

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

### **4.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

### **4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.12 Phân phối lợi nhuận sau thuế**

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông hằng năm.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại,

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.15 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:  
Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

#### *Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ*

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### *Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông*

- ✓ Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

#### 4.16 Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

###### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

#### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.236.848.463	522.991.152
Tiền gửi ngân hàng	5.772.653.911	6.627.817.757
Các khoản tương đương tiền	8.269.228.000	20.279.805.808
<b>Cộng</b>	<b>15.278.730.374</b>	<b>27.430.614.717</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

**6. Đầu tư ngắn hạn**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo Hợp đồng vay vốn số 03-2013/HĐVV/NXBGDVN-STC ngày 14/06/2013. Hợp đồng này đã được điều chỉnh bằng Phụ lục hợp đồng số 08/2014/PL-HĐVV ngày 01/01/2014. Theo đó, thời gian cho vay được gia hạn đến 30/06/2014, lãi suất cho vay 9%/ năm.

**7. Các khoản phải thu khác**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi dự thu	1.412.150	38.510.173
Phải thu người lao động (thuế TNCN)	-	124.592.957
Cho thuê Cảng tin	59.483.435	
- Dương Công Định	35.483.435	-
- Nghiêm Thị Hằng Phương	24.000.000	-
Cho thuê mặt bằng	127.500.000	-
- Trung tâm Nsetc	60.000.000	-
- Trung tâm ngoại ngữ đại học Sư phạm	55.000.000	-
- Trường đại học kinh tế Tp.HCM	12.500.000	-
Phải thu khác	54.474.655	79.085.351
<b>Cộng</b>	<b>242.870.240</b>	<b>242.188.481</b>

**8. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho các khoản nợ trên 3 năm	63.000.000	100.695.200
Cho các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	76.149.159	112.257.958
Cho các khoản nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	336.177.536	-
<b>Cộng</b>	<b>475.326.695</b>	<b>212.953.158</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### 9. Hàng tồn kho

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.821.464.443	5.988.082.818
Công cụ dụng cụ	38.844.080	76.696.555
Chi phí SXKD dở dang	2.798.069.508	1.788.727.507
Thành phẩm	10.868.048.420	6.057.098.202
Hàng hóa	27.084.087.054	17.658.944.128
<b>Cộng</b>	<b>46.610.513.505</b>	<b>31.569.549.210</b>

#### 10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	152.195.255	206.765.668
Tiền thuê đất	720.255.090	
Chi phí sửa chữa	53.843.305	153.544.720
Chi phí bảo hiểm	23.278.200	
Chi phí trả trước khác	132.872.065	281.697.225
<b>Cộng</b>	<b>1.082.443.915</b>	<b>642.007.613</b>

#### 11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế TNCN nộp thừa	115.776.656	15.010.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	115.433.973	30.171.932
Thuế GTGT nộp thừa	-	3.044.332
<b>Cộng</b>	<b>231.210.629</b>	<b>48.226.434</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**12. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	488.492.748	394.477.329
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.924.499	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>511.417.247</b>	<b>414.477.329</b>

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	30.223.542.492	9.210.452.373	3.108.804.225	915.207.236	43.458.006.326
Tăng trong kỳ	-	951.794.520	-	-	951.794.520
Th.lý, nhượng bán	4.004.344.731	90.000.000	-	-	4.094.344.731
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>26.219.197.761</b>	<b>10.072.246.893</b>	<b>3.108.804.225</b>	<b>915.207.236</b>	<b>40.315.456.115</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	6.808.519.345	6.332.080.126	1.221.121.899	411.117.513	14.772.838.883
Tăng trong kỳ	344.183.966	393.222.703	159.088.332	66.682.380	963.177.381
T/lý, nhượng bán	714.974.900	23.100.001	-	-	738.074.901
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.437.728.411</b>	<b>6.702.202.828</b>	<b>1.380.210.231</b>	<b>477.799.893</b>	<b>14.997.941.363</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	23.415.023.147	2.878.372.247	1.887.682.326	504.089.723	28.685.167.443
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.781.469.350</b>	<b>3.370.044.065</b>	<b>1.728.593.994</b>	<b>437.407.343</b>	<b>25.317.514.752</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là: 4.574.157.472 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2014 là 13.158.486.469 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	2.248.129.500	2.248.129.500
Tăng trong kỳ	-	-
Th.lý, nhượng bán	2.248.129.500	2.248.129.500
<b>Số cuối kỳ</b>	-	-
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	544.127.598	544.127.598
Khấu hao trong năm	42.340.967	42.340.967
Th.lý, nhượng bán	586.468.565	586.468.565
<b>Số cuối kỳ</b>	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	1.704.001.902	1.704.001.902
<b>Số cuối kỳ</b>	-	-

Quyền sử dụng đất tại KCN Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 2.575 m<sup>2</sup> với thời hạn đến 31/12/2047. Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng tài sản này cho Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 theo hợp đồng mua bán nhà xưởng – văn phòng ngày 18/04/2014.

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	127.748.356	-
Sửa chữa nhà 780 Nguyễn Kiệm	57.272.728	-
Sửa chữa khu nội trú	-	743.365.125
Cải tạo nhà xưởng Phan Văn Trị	-	195.868.236
Công trình xây dựng xưởng mộc KCN Sóng Thần	-	54.334.700
<b>Cộng</b>	<b>185.021.084</b>	<b>993.568.061</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**16. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>2.830.584.948</b>		-
Công ty CP Sách - TB Giáo dục Tây Ninh	21.920	2.830.584.948		-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>1.361.000.000</b>		<b>1.570.000.000</b>
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Gia Định (1)	49.000	490.000.000	49.000	490.000.000
Công ty CP Sách - TB Giáo dục Tây Ninh		-	1.000	103.000.000
Cho vay dài hạn	-	871.000.000	-	977.000.000
+ DNTN Nhựa Tiền Vinh (2)		850.000.000		950.000.000
+ Trần Tuấn Kiệt (3)		21.000.000		27.000.000
<b>Cộng</b>		<b>4.191.584.948</b>		<b>1.570.000.000</b>

- (1) Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần DVXB Giáo dục Gia Định có kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn nên Công ty không trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.
- (2) Cho Doanh nghiệp tư nhân Nhựa Tiền Vinh vay theo Hợp đồng vay vốn số 27/T10/STB ngày 05/10/2013, lãi suất cho vay là 10%/năm. Thời gian cho vay đến 06/10/2015.
- (3) Cho ông Trần Tuấn Kiệt vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 23/05/2013, lãi suất cho vay là 11%/năm. Thời gian cho vay đến 24/05/2016.

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.369.959.303	2.096.847.136
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	-	91.207.916
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	2.163.344.156	1.693.570.554
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	161.406.727	161.766.959
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	1.662.551.347	1.443.318.841
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần	8.050.597.695	8.145.310.611
Chi phí khác	571.987	3.296.362
<b>Cộng</b>	<b>13.408.431.215</b>	<b>13.635.318.379</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	26.813.391.290	14.664.300.000
- Ngân hàng Ngoại thương Tp Hồ Chí Minh	12.289.091.290	-
- Vay cá nhân	14.524.300.000	14.664.300.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.813.391.290</b>	<b>14.664.300.000</b>

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	125.610.124	126.029.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.970.169	488.539.521
Thuế thu nhập cá nhân	26.232.340	37.161.461
<b>Cộng</b>	<b>155.812.633</b>	<b>651.730.506</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**20. Chi phí phải trả**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	196.601.326	857.325.148
Chi phí học tập ngoại khóa cho học sinh, giáo viên	81.350.400	169.554.000
Trích trước chi phí lãi vay, phí kiểm toán	32.500.000	65.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	13.498.900	-
<b>Cộng</b>	<b>323.950.626</b>	<b>1.091.879.148</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

**21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	428.961.449	429.476.649
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	66.336.036	-
Phải trả về Cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả	229.327.557	8.303.962.932
Các khoản phải trả, phải nộp khác	718.005.192	744.547.322
- Tài sản thừa chờ xử lý	3.387.568	-
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	261.849.656	447.220.722
- Thuế thu nhập cá nhân	208.152.124	98.047.404
- Phải trả khác	244.615.844	199.279.196
<b>Cộng</b>	<b>2.166.401.234</b>	<b>10.201.757.903</b>

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2013	56.655.300.000	12.325.320.000	3.029.882.231	(3.275.267.777)	12.427.525.621	2.514.573.911	4.872.635.675
Tăng trong năm	-	-	671.176.349	-	671.176.349	668.803.489	13.130.668.842
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.247.916.040	-	17.334.318.911
<b>Số tại 31/12/2013</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>12.325.320.000</b>	<b>3.701.058.580</b>	<b>(3.275.267.777)</b>	<b>11.850.785.930</b>	<b>3.183.377.400</b>	<b>668.985.606</b>
Số tại 01/01/2014	56.655.300.000	12.325.320.000	3.701.058.580	(3.275.267.777)	11.850.785.930	3.183.377.400	668.985.606
Tăng trong kỳ	-	-	16.865.545	-	50.020.123	-	5.183.347.534
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	68.547.700
<b>Số tại 30/06/2014</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>12.325.320.000</b>	<b>3.717.924.125</b>	<b>(3.275.267.777)</b>	<b>11.900.806.053</b>	<b>3.183.377.400</b>	<b>5.783.785.440</b>

- Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ Công ty.
- Quỹ đầu tư phát triển tăng trong kỳ là do Công ty tự xác định lại số thuế TNDN được miễn giảm của năm 2012 theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Theo đó, thuế TNDN được giảm của năm 2012 tăng thêm 50.020.123 đồng được Công ty bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2014	31/12/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu thường</i>	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	284.500	284.500
- <i>Cổ phiếu thường</i>	284.500	284.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.381.030	5.381.030
- <i>Cổ phiếu thường</i>	5.381.030	5.381.030
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	668.985.606	4.872.635.675
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	4.547.933.586	13.130.668.842
Điều chỉnh do hợp nhất	635.413.948	-
Phân phối lợi nhuận	68.547.700	17.334.318.911
- <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	671.176.349
- <i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>	-	668.803.489
- <i>Trích quỹ dự trữ</i>	16.865.545	671.176.349
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	51.682.155	2.813.720.375
- <i>Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	-	671.176.349
- <i>Chia cổ tức</i>	-	11.838.266.000
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>5.783.785.440</b>	<b>668.985.606</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/-14 ngày 30/03/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

**d. Cổ tức**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-14 ngày 30/03/2014 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 15%/Giá trị cổ phiếu lưu hành theo mệnh giá tương ứng 8.071.545.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

**23. Doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng doanh thu	115.744.188.582	118.590.102.933
- Doanh thu bán sách và sản phẩm in	58.724.160.795	58.791.992.106
- Doanh thu thiết bị giáo dục	49.210.444.519	51.187.924.124
- Doanh thu hoạt động dạy học	7.620.847.816	8.447.396.705
- Doanh thu khác	188.735.452	162.789.998
Các khoản giảm trừ	415.554.843	1.130.522.001
- Hàng bán bị trả lại	415.554.843	1.130.522.001
<b>Cộng</b>	<b>115.328.633.739</b>	<b>117.459.580.932</b>

**24. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	51.605.282.573	48.961.411.985
Giá vốn thiết bị giáo dục	37.136.964.808	37.788.403.815
Giá vốn hoạt động dạy học	4.491.099.371	4.424.564.981
Giá vốn khác	151.961.861	107.864.832
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(106.581.322)	(213.785.138)
<b>Cộng</b>	<b>93.278.727.291</b>	<b>91.068.460.475</b>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	725.314.844	844.892.808
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	58.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	179.212.793	14.527.533
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	130.567	-
<b>Cộng</b>	<b>963.458.204</b>	<b>918.220.341</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

26. Chi phí tài chính	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	1.110.016.713	1.666.539.720
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	189.602
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	882.542.245	1.398.686.720
<b>Cộng</b>	<b>1.992.558.958</b>	<b>3.065.416.042</b>

27. Thu nhập khác	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Bán thanh lý tài sản cố định	-	1.054.545.454
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	85.659.851	48
Bán thanh lý vật tư, phế liệu	9.809.273	16.553.455
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	10.000.000.000	-
Chuyển nhượng vật tư	104.168.370	-
Cho thuê mặt bằng	172.257.668	-
Thu nhập khác	48.497.575	34.794.191
<b>Cộng</b>	<b>10.420.392.737</b>	<b>1.105.893.148</b>

28. Chi phí khác	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	66.899.999	434.671.845
Chuyển nhượng bất động sản	5.024.961.616	-
- Giá trị còn lại của bất động sản chuyển nhượng	4.951.030.766	-
- Chi phí liên quan đến chuyển nhượng bất động sản	73.930.850	-
Giá trị vật tư chuyển nhượng	104.168.370	-
Giá trị vật tư, hàng kém chất lượng thanh lý	117.476.651	-
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	34.361.400	-
Chi nộp phạt thuế, phạt hành chính	-	1.500.000
Chi phí khác	105.664.175	1.379.214
<b>Cộng</b>	<b>5.453.532.211</b>	<b>437.551.059</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.405.582.735</b>	<b>5.220.850.176</b>
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	-	1.926.564.256
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.523.441.847	4.160.192.273
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(1.092.897.496)	(865.906.353)
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.975.038.384	-
<b>Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN</b>	<b>(195.502.035)</b>	<b>142.626.998</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	175.192.436	378.686.820
+ <i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>175.192.436</i>	<i>60.519.196</i>
+ <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	-	<i>318.167.624</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	370.694.471	236.059.822
+ <i>Có tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>370.392.904</i>	<i>58.800.000</i>
+ <i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>301.567</i>	<i>177.259.822</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.210.080.700</b>	<b>5.363.477.174</b>
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	-	2.127.991.254
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.054.675.070	4.012.877.998
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(819.632.754)	(777.392.078)
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.975.038.384	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.222.823.982</b>	<b>878.960.728</b>
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	-	558.938.844
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	109.030.471	275.823.101
- Hoạt động khác không được ưu đãi	19.285.067	44.198.783
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.094.508.444	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>-</b>	<b>30.045.978</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.222.823.982	848.914.750
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60.541.791	(35.226.951)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.122.216.962</b>	<b>4.407.162.377</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(425.716.624)	141.899.743
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	4.547.933.586	4.265.262.634

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.547.933.586	4.265.262.634
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.547.933.586	4.265.262.634
	5.381.030	5.381.030
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>845</b>	<b>793</b>

100707-  
CÔNG TY  
N.H.H  
AN VÀ KẾT  
AC  
4U - TP.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.487.675.859	19.013.667.728
Chi phí nhân công	18.879.029.132	15.279.318.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	973.278.391	1.204.076.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.471.980.366	9.591.168.157
Chi phí khác bằng tiền	5.601.373.734	2.562.349.394
<b>Cộng</b>	<b>55.413.337.482</b>	<b>47.650.580.376</b>

### 32. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản).

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	30/06/2014 USD	31/12/2013 USD
Tài sản tài chính	603,85	645,75

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
<b>30/06/2014</b>			
Các khoản vay và nợ	26.813.391.290	-	26.813.391.290
Phải trả người bán	22.106.317.892	-	22.106.317.892
Chi phí phải trả	323.950.626	-	323.950.626
Phải trả khác	947.332.749	-	947.332.749
<b>Cộng</b>	<b>50.190.992.557</b>	<b>-</b>	<b>50.190.992.557</b>
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản vay và nợ	14.664.300.000	-	14.664.300.000
Phải trả người bán	11.298.011.938	-	11.298.011.938
Chi phí phải trả	1.091.879.148	-	1.091.879.148
Phải trả khác	9.048.510.254	-	9.048.510.254
<b>Cộng</b>	<b>36.102.701.340</b>	<b>-</b>	<b>36.102.701.340</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>30/06/2014</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	15.278.730.374	-	15.278.730.374
Phải thu khách hàng	34.316.128.923	-	34.316.128.923
Đầu tư tài chính	5.000.000.000	1.361.000.000	6.361.000.000
Phải thu khác	242.870.240	-	242.870.240
Tài sản tài chính khác	20.000.000	-	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.857.729.537</b>	<b>1.361.000.000</b>	<b>56.218.729.537</b>

<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	27.430.614.717	-	27.430.614.717
Phải thu khách hàng	27.133.438.930	-	27.133.438.930
Đầu tư tài chính	5.000.000.000	1.570.000.000	6.570.000.000
Phải thu khác	117.595.524	-	117.595.524
Tài sản tài chính khác	20.000.000	-	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>59.701.649.171</b>	<b>1.570.000.000</b>	<b>61.271.649.171</b>

#### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo lĩnh vực kinh doanh không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

6 tháng đầu năm 2014	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	7.620.847.816	49.210.444.519	58.912.896.247	115.744.188.582
Các khoản giảm trừ	-	402.654.383	12.900.460	415.554.843
Giá vốn hàng bán	4.491.099.371	37.136.964.808	51.650.663.112	93.278.727.291
Chi phí bán hàng	-	4.394.447.956	5.033.530.123	9.427.978.079
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.787.137.105	3.331.890.442	4.035.248.859	11.154.276.406
Chi phí lãi vay thuần	-	181.368.378	203.333.491	384.701.869
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	5.722.372	-	(650.121.257)	(644.398.885)
Thu nhập khác	207.075.850	9.454.545	10.203.862.342	10.420.392.737
Chi phí khác	547.683	26.821	5.452.957.707	5.453.532.211
Lãi lỗ trong công ty liên kết				171.000
<b>Lãi (lỗ) trong kỳ</b>	<b>(445.138.121)</b>	<b>3.772.546.276</b>	<b>2.078.003.580</b>	<b>5.405.582.735</b>
<b>Tài sản và Nợ phải trả tại 30/06/2014</b>				
Phải thu của khách hàng	-	18.639.230.000	16.152.225.618	34.791.455.618
Hàng tồn kho	-	37.581.277.476	9.029.236.029	46.610.513.505
Tài sản cố định hữu hình				25.317.514.752
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.095.540.692	18.034.285.634	1.146.800.994	20.276.627.320
+ Nguyên giá	1.430.786.363	23.735.531.142	5.740.281.712	30.906.599.217
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(335.245.671)	(5.701.245.508)	(4.593.480.718)	(10.629.971.897)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	5.040.887.432
+ Nguyên giá	-	-	-	9.408.856.898
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(4.367.969.466)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	44.305.931.100
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>151.025.414.975</b>
Phải trả người bán	-	6.647.047.232	15.459.270.660	22.106.317.892
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	36.542.351.360
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>58.648.669.252</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6 tháng đầu năm 2013	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	8.447.396.705	51.187.924.124	58.954.782.104	118.590.102.933
Các khoản giảm trừ	-	1.025.496.314	105.025.687	1.130.522.001
Giá vốn hàng bán	4.424.564.981	37.788.403.815	48.855.491.679	91.068.460.475
Chi phí bán hàng	-	5.045.661.284	3.384.316.325	8.429.977.609
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.672.592.506	4.395.310.544	3.193.536.010	11.261.439.060
Chi phí lãi vay thuần	(12.044.816)	482.761.894	350.929.834	821.646.912
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	25.519.772	(1.351.068.561)	(1.325.548.789)
Thu nhập khác	6.216.204	525.429.771	574.247.173	1.105.893.148
Chi phí khác	-	205.877.281	231.673.778	437.551.059
<b>Lãi (lỗ) trong kỳ</b>	<b>368.500.238</b>	<b>2.795.362.535</b>	<b>2.056.987.403</b>	<b>5.220.850.176</b>

**Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2013**

Phải thu của khách hàng	868.052.500	23.809.326.569	2.669.013.019	27.346.392.088
Hàng tồn kho	130.464.031	27.958.732.006	3.480.353.173	31.569.549.210
Tài sản cố định hữu hình				28.685.167.443
- Tài sản cố định HH của bộ phận	780.718.047	21.344.880.381	1.146.800.994	23.272.399.422
+ Nguyên giá	1.046.198.299	27.290.998.053	5.740.281.712	34.077.478.064
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(265.480.252)	(5.946.117.672)	(4.593.480.718)	(10.805.078.642)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	5.412.768.021
+ Nguyên giá	-	-	-	9.380.528.262
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(3.967.760.241)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	55.059.473.143
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>142.660.581.884</b>
Phải trả người bán	415.245.675	6.806.560.923	4.076.205.340	11.298.011.938
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	43.448.541.318
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>54.746.553.256</b>

**34. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**a. Thông tin về các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan gồm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2014	năm 2013
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Sách giáo khoa	-	143.562.975
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Thiết bị, băng đĩa, ấn phẩm	1.645.685.063	582.999.829
Công ty CP Sách GD tại Thành phố HCM	Thiết bị	16.769.000	17.014.180
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Thiết bị, bất động sản	11.462.055.358	553.367.099
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị, dịch vụ in	31.968.852	165.055.422
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	7.838.003	139.917.320
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Thiết bị	849.957.480	677.522.611
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Thiết bị	283.506.330	683.903.932
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Thiết bị	1.985.251.348	2.537.431.466
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Phí quản lý xuất bản	8.364.600	12.619.500
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Sách giáo khoa	33.144.925.222	31.747.397.453
Công ty CP Sách GD tại Thành phố HCM	Sách giáo khoa	337.370.587	380.419.451
Công ty Cổ phần Học liệu	Băng đĩa giáo dục	73.800.000	131.670.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng thiết bị giáo dục	40.766.864	5.714.320
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Sách t/khảo, văn hoá phẩm	17.415.119.210	16.289.423.820
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Bản đồ, tranh ảnh	1.739.477.887	1.473.258.080
<b>Thu lãi cho vay vốn</b>			
Cty TNHH MTV NXB giáo dục Việt Nam	Lãi cho vay	525.000.000	-

### c. Các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	7.571.973.826	1.979.264.130
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải thu khách hàng	-	2.058.583.733
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Phải thu khách hàng	725.942.352	578.272.251
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Phải thu khách hàng	108.344.854	260.140.154
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Phải thu khách hàng	907.568.475	506.095.620
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Phải thu khách hàng	125.908.148	2.968.852.168
Công ty TNHH MTV NXB giáo dục Việt Nam	Nợ gốc cho vay	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Phải trả</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	6.840.000	144.960.000
Công ty Cổ phần Học liệu	Phải trả người bán	38.125.209	56.570.329
Công ty CP ĐT và Phát triển GD Phương Nam	Phải trả người bán	2.629.148.448	464.935.297
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố HCM	Phải trả người bán	349.879.289	199.963.030
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Người mua trả tiền trước	-	5.000.000.000

### d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	289.079.000	373.340.000
Thu nhập của Ban tổng Giám đốc	1.237.844.300	783.413.700

### 35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 30/06/2014, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m<sup>2</sup> đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m<sup>2</sup> đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m<sup>2</sup> đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m<sup>2</sup> đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m<sup>2</sup> đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

**36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

**37. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, số liệu so sánh cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013. Các báo cáo tài chính hợp nhất này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Kiểm soát độc

Ngô Trần Vinh

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Trần Văn Hưng

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh